

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị An.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Văn L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 02, khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 02, khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Thái Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/01/2004. Sau khi kết hôn ông bà về sinh sống tại ấp Đ, xã Đ, thị xã T (nay là khu phố Đ, phường Đ, thành phố T), quá trình chung sống thời đầu có hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T thường hay cờ bạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, ông có khuyên bà T nhiều lần nhưng bà T không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 6/2019 bà T đã bỏ nhà đi, ông đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Ngày 12/11/2021, ông có đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà T, đến ngày 10/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có đưa 02 con tên Thái Thị N, sinh ngày 25/12/2004 và Thái Văn N, sinh ngày 08/4/2009, hiện nay đang sống cùng với ông. Ly hôn ông xin được tiếp tục nuôi hai đứa con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về hôn nhân: Ông L và bà T chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01, ngày 28/01/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 6/2019, ông L đã đi tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về bà T. Ngày 10/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố một người mất tích. Xét thấy, bà Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thái Văn L.

[3] Về con chung: Ông L và bà T chung sống có hai con chung tên Thái Thị N, sinh ngày 25/12/2004, giới tính nữ và Thái Văn N, sinh ngày 08/4/2009, giới tính nam, hiện nay đang sống cùng với ông L. Ly hôn ông L xin được tiếp tục nuôi hai đứa con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, các con hiện nay đang do ông L chăm sóc nuôi dưỡng nên cần giao hai đứa con cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con. Ông L cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Ông L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Thái Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Thái Thị N, sinh ngày 25/12/2004, giới tính nữ và Thái Văn N, sinh ngày 08/4/2009, giới tính nam cho ông Thái Văn L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ông Thái Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000478 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- UBND xã Cẩm Linh, huyện Cẩm Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Văn Hên